

QUY ĐỊNH VỀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG CPTPP VÀ THÁCH THỨC ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM ⁽¹⁾

NGUYỄN NGỌC HÀ *

Tóm tắt: Chương 17 Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương về doanh nghiệp nhà nước chứa đựng một số quy định mới vượt lên trên khuôn khổ pháp lý quốc tế truyền thống điều chỉnh hoạt động của nhóm doanh nghiệp này. Dù có thuận lợi khi thực thi các quy định này nhờ vào các ngoại lệ và sự tương thích của hệ thống pháp luật Việt Nam với phần lớn các cam kết, Việt Nam vẫn phải đối mặt với một số thách thức. Bài viết phân tích các điểm mới của CPTPP về doanh nghiệp nhà nước và tập trung làm rõ các thách thức đối với Việt Nam ở ba góc độ chính: sự tương thích của pháp luật Việt Nam với CPTPP; lựa chọn phương pháp thực thi các quy định của CPTPP và thực tiễn thi hành một số nghĩa vụ của Việt Nam.

Từ khóa: CPTPP; doanh nghiệp nhà nước; thách thức

Nhận bài: 24/02/2020

Hoàn thành biên tập: 24/4/2020

Duyệt đăng: 11/5/2020

STATE-OWNED ENTERPRISES UNDER THE CPTPP AND CHALLENGES FOR VIETNAM

Abstract: Chapter 17 of the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) on state-owned enterprises includes some new provisions that go beyond the traditional international legal framework governing the operation of this group of enterprises. Although it is advantageous to implement those provisions thanks to the exceptions and the compatibility of the legal system of Vietnam with the majority of international commitments, Vietnam still faces some challenges. The paper analyses the new provisions of the CPTPP on state-owned enterprises, and focuses on clarifying the challenges for Vietnam in the three main perspectives: the compatibility of the law of Vietnam with the CPTPP; the approach to implementing the CPTPP; and the practice of implementing some obligations of Vietnam.

Keywords: CPTPP; state-owned enterprise; challenge

Received: Feb 24th, 2020; Editing completed: Apr 24th, 2020; Accepted for publication: May 11th, 2020

Ngày 30/12/2018, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (The Comprehensive and Progressive Transpacific Partnership Agreement - CPTPP) đã chính thức có hiệu lực sau khi có đủ sáu quốc gia thành viên phê chuẩn. Đối với Việt

Nam, CPTPP có hiệu lực từ ngày 14/01/2019.⁽²⁾ Đây là dấu mốc quan trọng, thể hiện quyết tâm chính trị và nỗ lực của các nước thành viên Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) sau khi Hoa Kỳ quyết định rút lui vào đầu năm 2016.

CPTPP có hiệu lực mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối

* Tiến sĩ, Trường Đại học Ngoại thương

E-mail: hann@ftu.edu.vn

(1). Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong Đề tài mã số 505.01-2018.01.

(2). Quốc hội Việt Nam đã phê chuẩn CPTPP tại Nghị quyết số 72/2018/NQ-QH14 ngày 12/11/2018.

với Việt Nam,⁽³⁾ trong đó có các thách thức về hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước. Chương 17 của CPTPP hàm chứa các quy định khá chi tiết điều chỉnh về doanh nghiệp nhà nước tham gia vào các giao dịch thương mại quốc tế, với một số quy định được đánh giá là vượt khỏi khuôn khổ pháp lý quốc tế truyền thống về doanh nghiệp nhà nước.⁽⁴⁾ Việc thực thi các cam kết trong Chương 17, dù có một số thuận lợi nhưng cũng có thể sẽ đặt ra một số vấn đề đối với Việt Nam, nhất là về thay đổi thể chế và hoàn thiện pháp luật trong nước.

1. Các quy định về doanh nghiệp nhà nước trong CPTPP

Chương 17 CPTPP có tiêu đề: “Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp độc quyền chỉ định” (*Chapter 17 - State-owned enterprises and Designated Monopolies*)⁽⁵⁾ với 15 điều

khoản và 6 phụ lục.⁽⁶⁾ So với TPP, nội dung của Chương 17 CPTPP không có bất kỳ thay đổi nào. Nói cách khác, tất cả các điều khoản của TPP không bị tạm đình chỉ thực hiện trong CPTPP.⁽⁷⁾ Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy các quốc gia thành viên CPTPP quyết tâm thực hiện đầy đủ các cam kết ở mức độ cao trong Hiệp định này.

Có hai nhóm vấn đề lớn mà Chương 17 hướng tới điều chỉnh, bao gồm: 1) các nguyên tắc mà doanh nghiệp nhà nước phải tuân thủ khi tham gia vào hoạt động thương mại; 2) các yêu cầu mà quốc gia thành viên phải đáp ứng trong việc xây dựng và thi hành các cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước.⁽⁸⁾ Tuy nhiên, do Chương 17 chỉ áp dụng cho doanh nghiệp nhà nước là đối tượng điều chỉnh của Chương, nên trước khi đi vào phân tích hai nhóm quy định nêu trên, bài viết sẽ phân tích khái

(3). Xem thêm: Nguyễn Ngọc Hà, “Tham gia FTA thế hệ mới: Lợi thế, thách thức và vấn đề đặt ra cho Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, tháng 05/2019, tr. 12 - 15.

(4). Khuôn khổ pháp lý quốc tế này được thiết lập bằng một số quy định và văn kiện như: Điều XVII của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại của WTO; Thỏa thuận của WTO về giải thích Điều XVII; Bộ quy tắc về quản trị doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhà nước (OECD Guidelines on Corporate Governance of State-Owned Enterprises)... Ngoài ra, có thể xem thêm một số bài viết về chủ đề này như: Julien Sylvestre Fleury & Jean-Michel Marcoux, “The US Shaping of State-Owned Enterprise Disciplines in the Trans-Pacific Partnership”, *Journal of International Economic Law*, 2016, vol. 19, no. 2, tr. 446 - 447; Edmond M. Ianni, “International Treatment of State Trading”, *Journal of World Trade Law*, 1982, vol. 16, no. 6, tr. 480 - 496.

(5). Bản dịch tiếng Việt không chính thức của chương này do Cục Quản lý cạnh tranh thực hiện có thể xem tại: <http://cptpp.moit.gov.vn/data/e0593b3b-82bf-4956-9721-88e51bd099e6/userfiles/files/17%20Chương>

%20Doanh%20nghiep%20Nha%20nuoc%20-%20VIE(1).pdf, truy cập 15/12/2019.

(6). Bao gồm Phụ lục 17-A: Tính toán ngưỡng điều chỉnh; Phụ lục 17-B: Quy trình phát triển thông tin về doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước và độc quyền chỉ định; Phụ lục 17-C: Đàm phán thêm; Phụ lục 17-D: Phụ lục về áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước và doanh nghiệp độc quyền chỉ định cấp dưới trung ương; Phụ lục 17-E: Singapore; Phụ lục 17-F: Malaysia.

(7). Điều 2 và Phụ lục của CPTPP.

(8). Xem thêm: Trung tâm WTO và Hội nhập (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam), *Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - Tóm tắt Chương 17: Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp độc quyền chỉ định*, <http://www.Trungtamwto.vn/upload/files/fta/174-da-ky-ket/175-cptpp-tpp11/177-noi-dung-hiep-dinh/Tom%20luoc%20CPTPP%20-%20Chương%2017.pdf>, truy cập 15/12/2019.

CPTPP: Cam kết và thực thi

niệm doanh nghiệp nhà nước và xác định các doanh nghiệp nhà nước là đối tượng điều chỉnh.

1.1. Khái niệm doanh nghiệp nhà nước và cách thức xác định doanh nghiệp nhà nước là đối tượng điều chỉnh của Chương 17 CPTPP

Về khái niệm, theo định nghĩa được đưa ra tại Điều 17.1, doanh nghiệp nhà nước được hiểu là “doanh nghiệp chủ yếu tham gia vào các hoạt động thương mại, trong đó, một bên: (a) trực tiếp sở hữu hơn 50% vốn điều lệ; (b) kiểm soát trên 50% quyền biểu quyết thông qua lợi ích chủ sở hữu; hoặc (c) giữ quyền chỉ định đa số thành viên ban quản trị hoặc bất kì bộ máy quản lí tương đương khác”. Đây là khái niệm được đánh giá rộng hơn một số khái niệm về doanh nghiệp nhà nước trong các điều ước thương mại quốc tế trước đó, như trong WTO,⁽⁹⁾ trong Hiệp định thương mại tự do Singapore-Hoa Kỳ⁽¹⁰⁾ nhưng hẹp hơn khái niệm doanh nghiệp nhà nước trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh

châu Âu (EVFTA)⁽¹¹⁾ hay trong Bộ nguyên tắc của OECD.⁽¹²⁾ So với pháp luật Việt Nam hiện hành, khái niệm này cũng rộng hơn quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014.⁽¹³⁾ Tuy nhiên, CPTPP lại hàm chứa nhiều quy định có thể giúp một số doanh nghiệp nhà nước không phải tuân thủ các quy định của Chương 17, có thể được đánh giá là một kết quả có lợi cho Việt Nam giúp nhiều doanh nghiệp nhà nước có thời gian thích nghi với các cam kết mới trong CPTPP.

Về xác định các doanh nghiệp nhà nước là đối tượng điều chỉnh, Điều 17.2 chỉ rõ Chương 17 chỉ điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước và các doanh nghiệp độc quyền chỉ định của một bên có tác động đến hoạt động thương mại hoặc đầu tư giữa các bên trong khu vực thương mại tự do. Điều này có nghĩa là chỉ doanh nghiệp nhà nước nào tham gia vào và tác động tới hoạt động thương mại hoặc đầu tư giữa các quốc gia là thành viên của CPTPP thì mới phải tuân thủ các quy định của Chương 17. Để làm rõ thế nào là hoạt động thương mại, Điều 17.1 đã đưa ra định

(9). Ernest U. Petersmann, “GATT Law on State Trading Enterprises: Critical Evaluation of Article XVII and Proposals for Reform”, trong Thomas Cottier & Petros C. Mavroidis (edt.), *State Trading in the Twenty-First Century*, University of Michigan Press, Michigan, 2001, tr. 72.

(10). Cần lưu ý là trong US-Singapore FTA, các nhà đàm phán không sử dụng thuật ngữ doanh nghiệp nhà nước (state enterprise) mà sử dụng thuật ngữ doanh nghiệp chính phủ (government enterprise). Thuật ngữ này được định nghĩa: “(a) Đối với Hoa Kỳ, là một doanh nghiệp mà bên kí kết này sở hữu hoặc kiểm soát thông qua quyền lợi của chủ sở hữu và (b) đối với Singapore, một doanh nghiệp mà bên này có ảnh hưởng thực tế” (Điều 12.8.6).

(11). Khái niệm doanh nghiệp nhà nước được đưa vào Điều 1 của Chương X trong EVFTA về doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp được trao đặc quyền hoặc độc quyền, với cách hiểu rộng hơn khái niệm doanh nghiệp nhà nước trong CPTPP khi nó bao gồm cả những doanh nghiệp mà ở đó nhà nước có thể thực hiện việc kiểm soát đối với các quyết định chiến lược của doanh nghiệp.

(12). Bộ nguyên tắc của OECD định nghĩa doanh nghiệp nhà nước là “bất kì doanh nghiệp nào được công nhận là doanh nghiệp theo luật quốc gia, và ở đó nhà nước thực hiện quyền chủ sở hữu”. Xem: OECD, tldđ, tr. 15.

(13). Khoản 8 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

nghĩa, theo đó, hoạt động thương mại là “các hoạt động của một doanh nghiệp được tiến hành với định hướng tạo ra lợi nhuận nhằm sản xuất hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ bán cho người tiêu dùng trên thị trường liên quan với sản lượng và tại mức giá do doanh nghiệp quyết định”. Hai diễn giải⁽¹⁴⁾ đi kèm với khái niệm hoạt động thương mại cho phép xác định cụ thể hơn các hoạt động được coi là hoạt động thương mại, để từ đó có thể xác định chính xác các doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh. Nói cách khác, Điều 17.2 và các định nghĩa có liên quan cho phép loại trừ một số doanh nghiệp nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh bao gồm:

- Các doanh nghiệp nhà nước mà hoạt động của họ không tác động tới thương mại và đầu tư giữa các quốc gia thành viên CPTPP, trong đó có các doanh nghiệp nhà nước cung cấp các hàng hoá, dịch vụ công ích⁽¹⁵⁾ không vì mục đích lợi nhuận hoặc cung cấp các hàng hoá, dịch vụ trên cơ sở giá do nhà nước ấn định.

(14). Diễn giải thứ nhất về “định hướng tạo ra lợi nhuận” cho biết các hoạt động được thực hiện trên cơ sở phi lợi nhuận hoặc trên cơ sở bù đắp chi phí không được coi là các hoạt động với định hướng tạo ra lợi nhuận. Diễn giải thứ hai về việc ấn định sản lượng và giá do doanh nghiệp quyết định cho thấy các biện pháp áp dụng chung trên thị trường liên quan không được hiểu là sự ấn định của một quốc gia thành viên CPTPP trong các quyết định về giá cả, sản xuất hoặc cung ứng của một doanh nghiệp.

(15). Theo Điều 17.1, nhiệm vụ thực hiện dịch vụ công ích nghĩa là “một nhiệm vụ của chính phủ giao cho một doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước cung cấp một dịch vụ trực tiếp hoặc gián tiếp tới công chúng trên lãnh thổ quốc gia đó”.

- Hoạt động của ngân hàng trung ương hoặc của cơ quan quản lý tiền tệ;⁽¹⁶⁾ hoạt động của cơ quan điều tiết tài chính⁽¹⁷⁾ của một quốc gia thành viên CPTPP (như ở Việt Nam là: Ngân hàng nhà nước, Ủy ban chứng khoán nhà nước).

- Các hoạt động nhằm xử lý một định chế tài chính hoặc doanh nghiệp chủ yếu cung cấp dịch vụ tài chính đã hoặc đang lâm vào tình trạng khó khăn.⁽¹⁸⁾

- Quỹ đầu tư vốn của nhà nước⁽¹⁹⁾ (như ở Việt Nam là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước - SCIC).

- Quỹ hưu trí độc lập⁽²⁰⁾ và doanh nghiệp do quỹ hưu trí độc lập sở hữu hoặc kiểm soát;⁽²¹⁾

- Mua sắm công;⁽²²⁾

- Cung cấp dịch vụ công theo uỷ quyền của nhà nước⁽²³⁾ hoặc cung cấp dịch vụ tài chính theo uỷ quyền của nhà nước để hỗ trợ

(16). Điều 17.2.2 CPTPP.

(17). Điều 17.2.3 CPTPP.

(18). Điều 17.2.4 CPTPP.

(19). Điều 17.2.5 CPTPP.

(20). Theo Điều 17.1, quỹ hưu trí độc lập là “một doanh nghiệp do một bên sở hữu hoặc kiểm soát thông qua lợi ích chủ sở hữu mà: (a) tuân thủ chỉ tham gia các hoạt động sau: i) quản lý hoặc cung cấp chương trình lương hưu, nghỉ hưu, an sinh xã hội, thương tật, tử vong hoặc các lợi ích của người lao động, hoặc bất kỳ hình thức kết hợp thuần túy vì lợi ích của các thể nhân là người đóng góp vào chương trình đó và đối tượng thụ hưởng; hoặc (ii) đầu tư tài sản của các chương trình trên; (b) có trách nhiệm ủy thác đối với các chủ thể được đề cập tại điểm (a); và (c) không bị kiểm soát về định hướng đầu tư từ chính phủ bên đó”.

(21). Điều 17.2.6 CPTPP.

(22). Điều 17.2.7 CPTPP.

(23). Điều 17.2.8 CPTPP.

CPTPP: Cam kết và thực thi

hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, đầu tư từ nhân ra nước ngoài với điều kiện các dịch vụ tài chính này phải được cung cấp theo các tiêu chí thị trường.

Đây là trường hợp các doanh nghiệp nhà nước không phải tuân thủ bất kì quy định, cam kết nào được đưa vào Chương 17 của CPTPP. Ngoài ra, ở một số nghĩa vụ cụ thể, CPTPP tiếp tục đưa ra các trường hợp ngoại lệ riêng, tức là các trường hợp mà ở đó doanh nghiệp nhà nước không phải tuân thủ nghĩa vụ cụ thể nào đó.

1.2. Các quy định về nguyên tắc áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước

CPTPP đưa ra một số quy định nhằm thiết lập các nguyên tắc chung áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương 17. Các nguyên tắc chung này chủ yếu xoay quanh hai vấn đề chính: 1) tính toán thương mại và không phân biệt đối xử; 2) việc tuân thủ các nghĩa vụ của CPTPP khi được nhà nước uỷ quyền, cụ thể:

- Về tính toán thương mại và không phân biệt đối xử

Không phân biệt đối xử (non-discrimination treatment) và tính toán thương mại (commercial considerations) là hai vấn đề đi liền với nhau khi đưa ra các quy định về doanh nghiệp nhà nước trong các hiệp định thương mại tự do. Đối với CPTPP, nghĩa vụ về không phân biệt đối xử và tính toán thương mại được thể hiện tại Điều 17.4. Về nghĩa vụ chung, mỗi bên phải đảm bảo rằng bất kì doanh nghiệp nhà nước

nào của mình khi tham gia vào các hoạt động thương mại cũng phải hành xử phù hợp với các tính toán thương mại trong mua bán hàng hoá hoặc dịch vụ (Điều 17.4.1(a)). Đồng thời, một quốc gia thành viên cũng không được phân biệt đối xử (bao gồm cả nguyên tắc tối huệ quốc và đối xử quốc gia) đối với hàng hoá, dịch vụ được cung cấp bởi doanh nghiệp của mình với hàng hoá, dịch vụ được cung cấp bởi các doanh nghiệp của các quốc gia thành viên CPTPP khác (Điều 17.4.1(b)). Có thể nói, so với quy định của Điều XVII GATT, nghĩa vụ không phân biệt đối xử trong CPTPP đã quy định rõ ràng hơn ở việc khẳng định nguyên tắc đối xử quốc gia cũng được áp dụng. Trong khuôn khổ của WTO, sự không rõ ràng trong quy định của Điều XVII.1(a) đã gây ra nhiều tranh luận về việc nguyên tắc đối xử quốc gia có thuộc phạm vi điều chỉnh của điều này hay không. Ban hội thẩm trong vụ tranh chấp *Hàn Quốc - Các biện pháp ảnh hưởng đến nhập khẩu thịt bò tươi và đông lạnh* khẳng định nghĩa vụ này sẽ bao gồm “ít nhất là các quy định của Điều I (đối xử tối huệ quốc) và Điều III (đối xử quốc gia) của GATT”.⁽²⁴⁾ Trong khi đó, Ban Hội thẩm trong vụ tranh chấp *Canada - Các biện pháp liên quan đến xuất khẩu lúa mì và xử lý hạt nhập khẩu* chỉ ra rằng thuật ngữ “các nguyên tắc chung về không phân biệt đối xử” theo GATT bao gồm nguyên tắc đối xử tối huệ quốc và

(24). *Korea - Measures affecting imports of fresh, chilled and frozen beef*, Panel Report of 31 July 2000, WT/DS161/R, đoạn 753.

không xem xét đến lập luận của Hoa Kỳ khi thành viên này cho rằng chúng bao gồm nguyên tắc đối xử quốc gia.⁽²⁵⁾ Do đó, quy định rõ ràng của CPTPP sẽ góp phần hạn chế các tranh cãi mà WTO đã gặp phải về phạm vi không phân biệt đối xử đối với doanh nghiệp nhà nước.

Về nguyên tắc phải tuân thủ các cam kết trong CPTPP khi doanh nghiệp nhà nước được nhà nước uỷ quyền

Nguyên tắc này yêu cầu các doanh nghiệp nhà nước được chỉ định độc quyền khi được nhà nước giao hoặc uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý của nhà nước thì vẫn phải tuân thủ đầy đủ toàn bộ cam kết của từng nước trong CPTPP.⁽²⁶⁾ Một số chức năng, nhiệm vụ được uỷ quyền mà CPTPP đưa ra có thể là quyền thu hồi, cấp giấy phép, phê duyệt các giao dịch thương mại, áp hạn ngạch, phí hoặc các khoản thu khác.⁽²⁷⁾ Tuy nhiên, đối với nghĩa vụ này, Việt Nam cũng đã đàm phán để đạt được một số ngoại lệ, trong đó, một số doanh nghiệp nhà nước không phải thực thi nghĩa vụ.⁽²⁸⁾

1.3. Các yêu cầu về xây dựng và thi hành các cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước

Về quyền miễn trừ và giải quyết tranh chấp, theo quy định của Điều 17.5 về “toà án và cơ quan hành chính”, các quốc gia thành viên của CPTPP phải “*trao cho toà án của mình thẩm quyền đối với các khiếu nại dân sự chống lại một doanh nghiệp do một quốc gia nước ngoài sở hữu hoặc kiểm soát thông qua lợi ích chủ sở hữu có hoạt động thương mại trên lãnh thổ của mình*” (Điều 17.5.1). Nói cách khác, đối với các tranh chấp thương mại liên quan đến doanh nghiệp nhà nước của một nước thành viên CPTPP hoạt động trên lãnh thổ của một nước thành viên CPTPP khác, toà án của quốc gia này sẽ có thẩm quyền để xét xử tranh chấp đó dù doanh nghiệp nhà nước có liên quan viện dẫn đến quyền miễn trừ tư pháp.⁽²⁹⁾ Đây cũng là quy định mới của CPTPP so với phần lớn các FTA được ký kết trước đây.⁽³⁰⁾

Về hỗ trợ phi thương mại, vấn đề hỗ trợ phi thương mại được đưa vào các Điều 17.6, 17.7 và 17.8 của CPTPP. Điều 17.6 quy định về nghĩa vụ chung của các nước

(25). Canada - Measures relating to exports of wheat and treatment of imported grain, Panel Report of 6 April 2004, WT/DS276/R, đoạn 45, 48 - 50; xem thêm: Kevin Kennedy, “Chapter V - GATT 1994”, trong Patrick F. J. Macrory, Arthur E. Appleton & Micheal G. Plummer (edt.), *The World Trade Organization: Legal, Economic and Political Analysis*, vol. I, Springer, 2005, tr. 148; Edmond M. Ianni, tldd, tr. 489 - 490.

(26). Điều 17.3 CPTPP.

(27). Ghi chú số 12, Chương 17 CPTPP.

(28). Trung tâm WTO và Hội nhập, tldd, tr. 5.

(29). USTR, “Chapter 17 - State-Owned Enterprises (SOEs)”, tr.2, <https://ustr.gov/sites/default/files/TPP-Chapter-Summary-State-Owned-Enterprises.pdf>, truy cập 06/09/2019.

(30). Ines Willems, “Disciplines on State-Owned Enterprises in TPP: Have Expectations Been Met?”, Leuven Centre for Global Governance Studies - Institute for International Law (University of Leuven), *Working Paper*, n^o. 168, January 2016, tr. 24 - 25, https://ghum.kuleuven.be/ggs/publications/working_papers/2016/168willems, truy cập 06/12/2019.

CPTPP: Cam kết và thực thi

thành viên CPTPP trong việc chính phủ của họ không được trực tiếp hoặc gián tiếp dành riêng cho doanh nghiệp nhà nước các khoản “hỗ trợ phi thương mại” gây ra “tác động bất lợi”⁽³¹⁾ đến lợi ích của nước thành viên khác. Có thể thấy mục đích của các quy định này là để ngăn cản các chính phủ cung cấp hỗ trợ phi thương mại (ví dụ thông qua các khoản trợ cấp) cho các doanh nghiệp nhà nước đối với việc sản xuất và mua bán hàng hoá hoặc cung ứng dịch vụ. Các hỗ trợ phi thương mại thường gây ra tác động bóp méo cạnh tranh, vì vậy, ngăn cản nhà nước cung cấp các hỗ trợ phi thương mại trong CPTPP sẽ hướng đến thiết lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tư nhân.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng đã thành công khi đạt được thoả thuận với các nước thành viên CPTPP khác về không áp dụng nghĩa vụ liên quan tới hỗ trợ thương mại trong nhiều trường hợp khác nhau, như: chương trình cổ phần hoá và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước với mục đích giúp các doanh nghiệp này hoạt động tốt theo cơ chế thị trường; ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; phát triển vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, các vùng đặc biệt khó khăn, các vùng có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng; hỗ trợ cho một số

doanh nghiệp cụ thể (Petro Vietnam, EVN, Vinacomin, SCIC, DATC...)⁽³²⁾

Về minh bạch hoá, nghĩa vụ minh bạch hoá được quy định tại Điều 17.10 với ba nội dung chính:

- Nghĩa vụ cung cấp danh sách doanh nghiệp nhà nước: Các nước thành viên CPTPP sẽ phải cung cấp cho các nước thành viên khác hoặc công bố trên một trang điện tử chính thức danh sách các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước trong vòng sáu tháng kể từ khi CPTPP có hiệu lực và sau đó phải cập nhật danh sách hằng năm (Điều 17.10.1 và Điều 17.10.2).

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin cơ bản về doanh nghiệp nhà nước: Khi có yêu cầu của một nước thành viên liên quan đến quan ngại về hoạt động của doanh nghiệp thuộc sở hữu của một nước thành viên khác có thể gây tác động đến hoạt động kinh doanh thương mại đang diễn ra, nước thành viên được yêu cầu sẽ phải cung cấp thêm các thông tin cơ bản về doanh nghiệp nhà nước đó (như về tỉ lệ sở hữu nhà nước, tổng doanh thu, tổng tài sản, các báo cáo tài chính đã được công bố, chức danh của các công chức giữ vị trí là nhà quản lý hoặc thành viên hội đồng quản trị; mô tả về bất kì loại cổ phần đặc biệt hoặc quyền biểu quyết đặc biệt; mọi hình thức miễn trừ hoặc loại trừ mà doanh nghiệp đó được hưởng theo quy định của nội luật) cho nước thành viên yêu cầu (Điều 17.6.3).

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin liên quan đến các hỗ trợ phi thương mại: Khi nhận

(31). “Tác động bất lợi” này sẽ được xác định theo các tiêu chí và cách thức được nêu tại Điều 17.7 của CPTPP; còn “thiệt hại” sẽ được tính toán trên cơ sở các quy định của Điều 17.8.

(32). Trung tâm WTO và Hội nhập, Phụ lục IV - Việt Nam, CPTPP, tldd, tr. 6.

được yêu cầu cung cấp thông tin về các hỗ trợ phi thương mại, một nước thành viên CPTPP sẽ phải cung cấp cho nước thành viên yêu cầu các thông tin liên quan đến: hình thức của hỗ trợ phi thương mại; tên của cơ quan chính phủ, các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước cung cấp hỗ trợ phi thương mại; cơ sở pháp lý và mục tiêu chính sách của chính sách hoặc chương trình cung cấp hỗ trợ phi thương mại và nhiều thông tin khác (Điều 17.6.5).

Có thể thấy, quy định về minh bạch hoá đối với doanh nghiệp nhà nước trong CPTPP có phạm vi rộng và chi tiết hơn so với nhiều FTA đã được kí kết trước đó cũng như so với EVFTA.⁽³³⁾ Quy định rộng và chi tiết như vậy đòi hỏi các nước thành viên phải có những sự điều chỉnh nhất định và phải thể hiện quyết tâm chính trị rất lớn trong quá trình thực thi.

Cần lưu ý là, giống với một số nghĩa vụ ở trên, Việt Nam đã đưa ra một số bảo lưu với nghĩa vụ minh bạch hoá thông tin. Đối với các doanh nghiệp nhà nước có doanh thu từ 200 triệu SDR/năm⁽³⁴⁾ trong ba năm liền trước, Việt Nam chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin sau năm năm kể từ ngày CPTPP có hiệu lực. Còn đối với các doanh nghiệp có doanh thu từ 500 triệu SDR/năm trở lên trong ba năm liền trước, nghĩa vụ công bố thông tin phải được thực thi trong vòng 6 tháng kể từ ngày CPTPP có hiệu lực.

(33). Điều 6 của Chương 10 EVFTA; xem thêm: Ines Willemyns, *ltd*, tr. 23 - 24.

(34). Tỷ giá đồng SDR vào ngày 21/02/2020 là: 1 SDR = 31.600 VNĐ.

Cuối cùng, về giải quyết tranh chấp, các tranh chấp có liên quan đến Chương 17 sẽ được giải quyết thông qua các trình tự và thủ tục được nêu tại Chương 28 về giải quyết tranh chấp. Ngoài ra, Chương 17 cũng đưa ra một số quy định bổ sung tại Điều 17.15 và phụ lục 17-B về quy trình phát triển thông tin trong quá trình giải quyết tranh chấp.⁽³⁵⁾ Cần lưu ý là, trên cơ sở các quy định của Chương 9 về đầu tư, các tranh chấp về đầu tư liên quan đến doanh nghiệp nhà nước cũng có thể sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước được đưa vào nội dung của Chương 9 này.⁽³⁶⁾

2. Thách thức đối với Việt Nam

Về cơ bản, nhờ vào nhiều ngoại lệ mà Việt Nam đạt được trong quá trình đàm phán TPP trước đây và CPTPP sau này về doanh nghiệp nhà nước, Việt Nam có nhiều thuận lợi để thực thi các nghĩa vụ của mình theo CPTPP. Tuy vậy, cũng còn tồn tại một số thách thức đối với Việt Nam khi thực thi các quy định về doanh nghiệp nhà nước của Hiệp định này. Các phân tích dưới đây tập trung vào ba thách thức chính: thách thức từ sự không tương thích của pháp luật Việt

(35). Điều 17.15 và phụ lục 17-B, Chương XVII CPTPP.

(36). Chương IX của CPTPP. Khái niệm doanh nghiệp được nêu tại Chương IX có dẫn chiếu đến khái niệm doanh nghiệp được định nghĩa tại Điều 1.3 Chương 1 CPTPP, theo đó, “doanh nghiệp là bất kì thực thể nào được thành lập hoặc tổ chức theo luật áp dụng, vì mục đích lợi nhuận hay không và thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của tư nhân hay chính phủ, bao gồm bất kì doanh nghiệp, công ty tín thác, công ty hợp danh, doanh nghiệp một người sở hữu, công ty liên doanh, hiệp hội hoặc các tổ chức tương tự”.

CPTPP: Cam kết và thực thi

Nam với CPTPP; thách thức xuất phát từ việc các quy định của Chương 17 không được áp dụng trực tiếp; thách thức xuất phát từ thực tiễn thi hành một số quy định về doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam.

2.1. Thách thức từ sự không tương thích của pháp luật Việt Nam về doanh nghiệp nhà nước với quy định của CPTPP

Thứ nhất, sự không tương thích về khái niệm doanh nghiệp nhà nước

Khái niệm về doanh nghiệp nhà nước trong CPTPP có sự khác biệt với khái niệm doanh nghiệp nhà nước trong Luật Doanh nghiệp năm 2014 của Việt Nam. Luật Doanh nghiệp năm 2014 định nghĩa doanh nghiệp nhà nước là “doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ” (khoản 8 Điều 4). Có thể thấy, khái niệm này hẹp hơn nhiều so với khái niệm doanh nghiệp nhà nước trong CPTPP.⁽³⁷⁾ Do đó, nhiều doanh nghiệp của Việt Nam không là doanh nghiệp nhà nước theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 nhưng lại là doanh nghiệp nhà nước theo CPTPP. Đây là trường hợp của những doanh nghiệp tồn tại dưới dạng công ti cổ phần hoặc công ti trách nhiệm hữu hạn mà ở đó nhà nước vẫn

nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Sự khác biệt này sẽ tạo nên thách thức cho Việt Nam trong quá trình thực thi các quy định của CPTPP, bởi nghĩa vụ được áp dụng cho các doanh nghiệp nhà nước theo CPTPP mà không phải là doanh nghiệp nhà nước theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 sẽ khó có thể được thực thi vì thiếu vắng các quy định của pháp luật trong nước.

Thứ hai, sự không tương thích về nghĩa vụ công bố thông tin đối với các doanh nghiệp là doanh nghiệp nhà nước theo CPTPP nhưng không phải là doanh nghiệp nhà nước theo pháp luật Việt Nam.

Việc theo CPTPP, nhiều doanh nghiệp Việt Nam có thể được coi là doanh nghiệp nhà nước hơn so với Luật Doanh nghiệp năm 2014 có thể dẫn đến khó khăn về công bố thông tin theo nghĩa vụ về minh bạch hoá trong Chương 17. Điều 108 và Điều 109 Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã có những quy định khá cụ thể về nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường của các doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật. Đồng thời, sau đó, Việt Nam đã ban hành Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước. Theo Luật Doanh nghiệp năm 2014, chỉ các doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mới phải áp dụng các quy định của Luật và của Nghị định số 81/2015/NĐ-CP. Những doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đã được cổ phần hoá và trở thành công ti đại chúng

(37). Khái niệm này cũng hẹp hơn khái niệm doanh nghiệp nhà nước trong Luật Doanh nghiệp năm 2005. Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2005 định nghĩa: “Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp trong đó nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ”. Về việc sửa đổi khái niệm doanh nghiệp nhà nước trong Luật Doanh nghiệp năm 2014, có thể xem: Báo cáo số 761/BC-UBTVQH13 ngày 28/10/2014 về tiếp thu, chỉnh lí, giải trình dự án Luật Doanh nghiệp trình Quốc hội thông qua tại kì họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII, tr. 5 - 6.

cũng có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán năm 2006, sửa đổi năm 2010.⁽³⁸⁾ Tuy nhiên, những doanh nghiệp nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ tồn tại dưới dạng là công ty TNHH hai thành viên trở lên và công ty cổ phần nhưng không được coi là công ty đại chúng, sẽ không thuộc phạm vi điều chỉnh của nghĩa vụ công bố thông tin của bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào nêu trên. Do đó, nghĩa vụ công bố thông tin của nhóm doanh nghiệp này bị bỏ ngỏ. Nói cách khác, đây cũng là “lỗ hổng” mà Việt Nam phải hoàn thiện để đảm bảo nghĩa vụ thực thi các quy định về doanh nghiệp nhà nước trong CPTPP của mình.

2.2. Thách thức về việc các quy định Chương 17 không được áp dụng trực tiếp

Theo Nghị quyết số 72/2018/NQ-QH14, các quy định của Chương 17 của CPTPP không được áp dụng trực tiếp.⁽³⁹⁾ Do đó, theo Điều 6.2 Luật điều ước quốc tế năm 2016,⁽⁴⁰⁾ các quy định của Chương 17 chỉ có thể được áp dụng nếu được chuyển hoá vào nội luật của Việt Nam. Tuy nhiên, dù còn tồn tại một

số điểm chưa tương thích với CPTPP, Nghị quyết số 72/2018/NQ-QH14 không giao nhiệm vụ sửa đổi Luật Doanh nghiệp năm 2014 hay các văn bản pháp luật có liên quan khác để đảm bảo sự tương thích với Chương 17 CPTPP. Đây là thách thức không nhỏ đối với Việt Nam để đảm bảo thực thi tốt các cam kết của mình theo CPTPP.

2.3. Các tồn tại liên quan đến việc thực thi một số quy định cụ thể của CPTPP về doanh nghiệp nhà nước

Bên cạnh các thách thức đã nêu ở trên, thách thức đối với Việt Nam khi thực thi các quy định này còn xuất phát từ chính thực tiễn thực thi một số quy định có liên quan, cụ thể:

Thứ nhất, tồn tại về thực thi nghĩa vụ minh bạch hoá thông tin đối với doanh nghiệp nhà nước

Dù Việt Nam có thể được hưởng ngoại lệ về việc công bố danh sách doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Điều 17.10.1, cách thức tiến hành công bố các thông tin về doanh nghiệp nhà nước mà Việt Nam đang thực hiện có thể sẽ gây ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ này của Việt Nam khi thời hạn năm năm mà ngoại lệ cho phép kết thúc. Cụ thể, các khó khăn đang được thể hiện ở hai điểm chính:

- Sự khác biệt trong việc xác định số lượng các doanh nghiệp nhà nước: Theo Niên giám Thống kê năm 2015 của Tổng cục Thống kê, tính đến hết ngày 31/12/2014, Việt Nam có 3048 doanh nghiệp nhà nước (trong đó có 1703 doanh nghiệp nhà nước ở trung ương và 1345 doanh nghiệp nhà nước

(38). Xem các quy định từ Điều 100 đến Điều 107 Luật Chứng khoán năm 2006, sửa đổi năm 2010.

(39). Xem Phụ lục 2 Nghị quyết số 72/2018/NĐ-CP.

(40). Điều 6.2 Luật Điều ước quốc tế năm 2016 quy định: “*Căn cứ vào yêu cầu, nội dung, tính chất của điều ước quốc tế, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ khi quyết định sự ràng buộc của điều ước quốc tế đồng thời quyết định áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước đó đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp quy định của điều ước quốc tế đã đủ rõ, đủ chi tiết để thực hiện; quyết định hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế đó*”.

ở địa phương).⁽⁴¹⁾ Trong khi đó, tính đến 31/12/2018, số lượng doanh nghiệp nhà nước giảm xuống còn 2486 doanh nghiệp, trong đó 1204 doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn.⁽⁴²⁾ Tuy nhiên, theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến hết năm 2018, có 383/534 doanh nghiệp nhà nước đã công bố thông tin trên Cổng thông tin Doanh nghiệp.⁽⁴³⁾ Nói cách khác, danh sách doanh nghiệp cần công bố thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư không bao trùm tất cả các doanh nghiệp nhà nước theo thống kê của Tổng cục Thống kê. Điều này có nghĩa là có tới 670 doanh nghiệp nhà nước không phải công bố thông tin.

Sự khác biệt này có thể được lí giải bằng nhiều nguyên nhân, trong đó có sự khác biệt trong khái niệm về doanh nghiệp nhà nước giữa Luật Doanh nghiệp năm 2014 với Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống các chỉ tiêu thống kê quốc gia. Trong Nghị định số 97/2016/NĐ-CP, phần các chỉ tiêu về “số doanh nghiệp, lao động, vốn, thu nhập, lợi nhuận của doanh nghiệp”, doanh nghiệp nhà nước được xác định gồm “doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do trung ương, địa

phương quản lí và doanh nghiệp cổ phần vốn trong nước mà nhà nước chiếm giữ trên 50% (để thuận lợi cho việc tổng hợp số liệu, quy ước nếu nhà nước chiếm giữ trên 50% vốn chủ sở hữu được tính là doanh nghiệp nhà nước)”.⁽⁴⁴⁾ Sự khác biệt nằm ở chỗ, cách xác định doanh nghiệp nhà nước trong Nghị định số 97/2016/NĐ-CP rộng hơn khái niệm được nêu trong Luật Doanh nghiệp năm 2014, vì bao gồm cả nhóm “doanh nghiệp cổ phần vốn trong nước mà nhà nước chiếm giữ trên 50%”.

- Tồn tại trong các thông tin được công bố về doanh nghiệp nhà nước: Về vấn đề này, Báo cáo tình hình công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chỉ rõ phần lớn doanh nghiệp nhà nước phải công bố thông tin đều thực hiện chưa tốt và đầy đủ các quy định về công bố thông tin. Việc thực hiện chưa tốt được thể hiện ở một số điểm như: 1) chưa báo cáo đầy đủ các nội dung theo quy định; 2) chưa có trang thông tin điện tử; 3) chưa xây dựng chuyên mục riêng về công bố thông tin trên trang thông tin điện tử theo yêu cầu.⁽⁴⁵⁾ Điều này có thể dẫn đến nguy cơ Việt Nam không tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều 17.10 CPTPP và cấu thành một vi phạm trên thực tế của Việt Nam.

(41). Tổng cục Thống kê, *Niên giám Thống kê 2015*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2015, tr. 261.

(42). Tổng cục Thống kê, *Niên giám Thống kê 2018*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2018, tr. 317.

(43). Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Báo cáo tình hình thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước năm 2018*, <http://www.business.gov.vn/Tintucvàsựkiện/tabid/128/catid/1116/item/58693/bao-cao-tinh-hinh-thuc-hien-cong-bo-thong-tin-doanh-nghiep-nha-nuoc-nam-2018.aspx>, truy cập 10/12/2019.

(44). Hệ thống chỉ tiêu 0304 “Số doanh nghiệp, lao động, vốn, thu nhập và lợi nhuận của doanh nghiệp” của Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, tr. 34.

(45). Báo cáo số 3433/BKHĐT-PTDN ngày 24/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình Công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước năm 2018.

Thứ hai, tồn tại trong việc thực hiện nghĩa vụ cung cấp các thông tin liên quan đến các khoản hỗ trợ phi thương mại

Theo CPTPP, khi có yêu cầu từ các nước thành viên khác, Việt Nam sẽ phải cung cấp thông tin về các khoản hỗ trợ phi thương mại có liên quan đến các doanh nghiệp nhà nước. Nghĩa vụ này tương tự như việc Việt Nam phải thông báo về các khoản trợ cấp lên Ủy ban về trợ cấp và các biện pháp đối kháng của WTO. Tuy nhiên, cách thức mà Việt Nam thực hiện việc thông báo về trợ cấp trong WTO thời gian vừa qua có thể sẽ gây khó khăn cho Việt Nam khi thực thi các quy định của CPTPP, như: các thông báo mà Việt Nam thực hiện đều có độ trễ nhất định về mặt thời gian;⁽⁴⁶⁾ còn thiếu một số thông tin liên quan đến khoản trợ cấp (như tổng giá trị của khoản trợ cấp; đánh giá tác động của khoản trợ cấp đến thương mại).⁽⁴⁷⁾ Nói cách khác, các thông báo về trợ cấp của Việt Nam không được cập nhật. Đồng thời, các thông tin về trị giá khoản trợ cấp hay đánh giá tác động của khoản trợ cấp mà Việt Nam không cung cấp sẽ gây khó khăn cho Việt Nam khi thực hiện yêu cầu cung cấp các thông tin này trong CPTPP.

(46). Ví dụ: Thông báo mà Việt Nam thực hiện năm 2015 lên Ủy ban Trợ cấp và Các biện pháp đối kháng là về các khoản trợ cấp được thực hiện từ năm 2011-2013, xem: WTO - Committee on Subsidies and Countervailing Measures, *Subsidies - New and Full Notification pursuant to article XVI:4 of the GATT 1994 and Article 225 of the Agreement on Subsidies and Countervailing Measures - Vietnam*, 25 September 2015, G/SCM/N/253/VNM, tr. 1 - 2.

(47). WTO - Committee on Subsidies and Countervailing Measures, tldđ, G/SCM/N/253/VNM, tr. 4, 6, 7, 8, 9, 10.

3. Một số kiến nghị và kết luận

Những phân tích ở trên đã chỉ ra một số thách thức đối với Việt Nam khi thực thi các quy định của CPTPP về doanh nghiệp nhà nước. Có thể thấy các khó khăn chủ yếu xuất phát từ việc hệ thống pháp luật của Việt Nam có một số quy định chưa tương thích với CPTPP, từ việc không chỉ rõ phương pháp áp dụng các quy định của Chương 17 và từ thực tiễn thực hiện một số nghĩa vụ. Do đó, để khắc phục vấn đề này, Việt Nam có thể xem xét và áp dụng một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, Việt Nam có thể tiến hành sửa đổi các văn bản pháp luật có liên quan để đảm bảo sự tương thích với các quy định của CPTPP. Như thế, các quy định khác biệt trong pháp luật Việt Nam so với CPTPP sẽ phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với CPTPP. Cách làm này có ưu điểm là sẽ tạo ra sự thống nhất trong việc áp dụng các quy định của nội luật với các quy định của CPTPP. Không chỉ vậy, nó cũng sẽ đảm bảo sự tương thích với các quy định của các hiệp định thương mại tự do khác mà Việt Nam đã và sẽ kí kết, bởi việc rà soát sẽ được tiến hành không chỉ với CPTPP mà với cả các hiệp định đó. Việc nội luật hoá cũng sẽ giúp cho quá trình thực thi các quy định bởi các chủ thể khác như doanh nghiệp, toà án, trọng tài... trở nên dễ dàng hơn. Tuy nhiên, khó khăn của việc nội luật hoá là Việt Nam sẽ cần có thời gian để sửa đổi, bổ sung các văn bản theo đúng trình tự và thủ tục, từ đó làm cho khả năng áp dụng của chúng có độ trễ so với thời điểm có hiệu lực của CPTPP.

Thứ hai, đảm bảo thực hiện tốt các cam kết của Việt Nam về doanh nghiệp nhà nước trong CPTPP, nhất là các quy định về minh bạch và về hỗ trợ phi thương mại. Để thực hiện giải pháp này, Bộ kế hoạch và đầu tư nên xác định cụ thể số lượng các doanh nghiệp nhà nước mà Việt Nam cần phải công bố thông tin theo CPTPP, từ đó, công bố cụ thể danh sách các doanh nghiệp này trên Cổng thông tin doanh nghiệp. Đồng thời, Bộ kế hoạch và đầu tư cần có kế hoạch cụ thể để giúp các doanh nghiệp nhà nước thuộc đối tượng áp dụng của CPTPP tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công bố thông tin theo CPTPP và theo Nghị định số 81/2016/NĐ-CP. Đồng thời, Việt Nam cũng cần thực hiện tốt nghĩa vụ thông báo về các hỗ trợ phi thương mại dành cho các doanh nghiệp nhà nước không chỉ trong khuôn khổ của WTO mà cả theo yêu cầu của CPTPP.

Tóm lại, có thể thấy CPTPP hàm chứa nhiều quy định mới, cụ thể và chi tiết để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp nhà nước trong các hoạt động thương mại và đầu tư tại các nước thành viên của CPTPP. Với nhiều ngoại lệ, Việt Nam sẽ có khoảng thời gian nhất định để tiến hành những bước đi cần thiết, trong đó có cả việc xem xét có tiến hành nội luật hoá các quy định của CPTPP có sự khác biệt với pháp luật Việt Nam. Điều này sẽ đảm bảo Việt Nam có thể thực thi tốt các nghĩa vụ và cam kết của mình không chỉ liên quan đến các nội dung về doanh nghiệp nhà nước mà còn về các quy định khác của CPTPP./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Edmond M. Ianni, “International Treatment of State Trading”, *Journal of World Trade Law*, 1982, vol. 16, no. 6.
2. Ernest U. Petersmann, “GATT Law on State Trading Enterprises: Critical Evaluation of Article XVII and Proposals for Reform”, trong Thomas Cottier & Petros C. Mavroidis (edt.), *State Trading in the Twenty-First Century*, University of Michigan Press, Michigan, 2001.
3. Nguyễn Ngọc Hà, “Tham gia FTA thế hệ mới: Lợi thế, thách thức và vấn đề đặt ra cho Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, 2019, tháng 05/2019.
4. Ines Willemyns, “Disciplines on State-Owned Enterprises in TPP: Have Expectations Been Met?”, Leuven Centre for Global Governance Studies - Institute for International Law (University of Leuven), *Working Paper*, n^o. 168, January 2016, https://ghum.kuleuven.be/ggs/publications/working_papers/2016/168willemyns
5. Julien Sylvestre Fleury & Jean-Michel Marcoux, “The US Shaping of State-Owned Enterprise Disciplines in the Trans-Pacific Partnership”, *Journal of International Economic Law*, 2016, vol. 19, no. 2.
6. Kevin Kennedy, “Chapter V - GATT 1994”, trong Patrick F. J. Macrory, Arthur E. Appleton & Micheal G. Plummer (edt.), *The World Trade Organization: Legal, Economic and Political Analysis*, vol. I, Springer, 2005.